

Số: 05/TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày 16 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO
TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 1 THÁNG
(Từ ngày 16 tháng 04 đến ngày 15 tháng 05 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Trong tháng trời nắng nóng, có mưa rào rải rác, một số ngày có dông.
Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 239 mm (cao hơn CKNT).

Nhiệt độ trung bình 26,7°C (thấp hơn CKNT), cao nhất 37°C, thấp nhất 17°C;

Âm độ trung bình 70,7 - 81,2% (xấp xỉ CKNT);

Tổng số giờ nắng tháng đạt 126 - 151 giờ (thấp hơn CKNT).

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Diện tích gieo trồng vụ Xuân 2020 ước đạt 38.337,6 ha:

- Lúa xuân:

+ Lúa Xuân sớm: 3.005,3 ha (chắc xanh - chín - thu hoạch);

+ Lúa Xuân muộn 26.802,8 ha (trở - chắc xanh - chín - thu hoạch).

- Ngô: 2.154,9 ha (chắc hạt - thu hoạch);

- Đậu tương: 90,4 ha (quả non - quả già);

- Lạc: 1.593,2 ha (củ non - củ già);

- Khoai lang: 268,1 ha (phát triển củ)

- Rau các loại: 2.468,7 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.950,3 ha (các giai đoạn).

Nhận xét: Thời tiết trong tháng nắng nóng, trời có dông và mưa rào rải rác, cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Sâu, bệnh phát sinh, phát triển gây hại nhẹ - trung bình, nặng cục bộ.

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TỪ NGÀY 16/04 - 15/05/2020

1. Trên lúa

- Trên lúa Xuân sớm

+ Bệnh đạo ôn gây hại cục bộ, tỷ lệ bông hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 3 - 5%,



cục bộ > 10% (Bình Xuyên).

+ Sâu đục thân cú mèo (TT, T1,2) gây hại cục bộ, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 1 - 2% (Vĩnh Tường, Yên Lạc,...).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (rầy cám, tuổi 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 300 - 500 con/m², cao 3.000 - 5.000 con/m², cục bộ 10.000 con/m² (Lập Thạch, Bình Xuyên, Sông Lô...) gây cháy chòm cục bộ.

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ danh hại phổ biến 3 - 5%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Bình Xuyên).

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 20% (Bình Xuyên, Yên Lạc).

+ Chuột gây hại diện tích lúa ven đâm, gần đường đi,... tỷ lệ danh hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 2 - 4% (Bình Xuyên).

- Trên lúa Xuân muộn

+ Chuột gây hại nhẹ - trung bình, tỷ lệ danh hại phổ biến 1 - 2%, cao 8 - 10%, cục bộ > 10% (Bình Xuyên, Tam Dương).

+ Sâu đục thân cú mèo gây hại rải rác, tỷ lệ danh hại phổ biến 0,2 - 0,4%, nơi cao 2 - 3% (Vĩnh Tường).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ danh hại phổ biến 4 - 6%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Tam Dương, Phúc Yên, Bình Xuyên,...).

+ Bệnh bạc lá gia tăng gây hại sau mưa bão, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 30% (Tam Đảo, Yên Lạc, Bình Xuyên...).

+ Bệnh đạo ôn lá, đạo ôn cổ bông gây hại cục bộ, tỷ lệ lá, bông hại phổ biến 0,3 - 0,5%, cao 5 - 10%, cục bộ > 30% (Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 100 - 200 con/m², cao 500 - 800 con/m², cục bộ > 1.000 con/m² (Tam Đảo).

+ Sâu cuốn lá nhỏ hại rải rác diện tích lúa cấy sau, trĩ muộn, mật độ phổ biến 5 - 7 con/m², cao 10 - 15 con/m², cục bộ > 40 con/m² (Vĩnh Tường, Yên Lạc, Bình Xuyên).

Ngoài ra: Châu chấu gây hại rải rác.

2. Trên cây rau, màu

- Trên cây ngô: Sâu keo mùa thu gây hại rải rác, mật độ phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 1 - 2 con/m², cục bộ 3 - 4 con/m² (Yên Lạc).

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang gây hại nhẹ, mật độ sâu xanh phổ biến 0,3 - 0,5 con/m², cao 2 - 3 con/m² (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

- Trên cây rau su su: Bệnh sương mai hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 5%, nơi cao 7 - 9% (Tam Đảo).

- Trên cây dưa chuột: Bệnh sương mai, héo xanh, phấn trắng gây hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,1 - 0,3%, cao 1 - 3%, cục bộ > 10% (Tam Dương).

3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai, nhện lông nhung gây hại rải rác, tỷ lệ cành lá hại phổ biến 2 - 3%, cao 10 - 13% (Sông Lô). Ngoài ra bọ xít, bệnh thán thư, nhện gây hại rải rác.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại cục bộ.

4. Cây lâm nghiệp (thông, keo): Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

5. Diện tích nhiễm sâu bệnh

Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh, chuột hại trong tháng: 3.337,85 ha (cao hơn CKNT). Trong đó diện tích nhiễm nhẹ 2.286,55 ha (thấp hơn CKNT), diện tích nhiễm trung bình 805,5 ha (cao hơn CKNT), diện tích nhiễm nặng 244,8 ha (cao hơn CKNT), diện tích mất trắng 1 ha (cao hơn CKNT). Diện tích được phòng trừ 2.908,7 ha (thấp hơn CKNT).

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH DỊCH HẠI TỪ NGÀY 16/05 - 15/06/2020

1. Lúa Xuân

Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, sâu cuốn lá, rầy nâu, bệnh khô vằn tiếp tục gây hại cục bộ. Bệnh đạo ôn cổ bông, bạc lá phát sinh, phát triển gây hại rải rác trong điều kiện mưa đông kèm gió, bão.

2. Cây ngô: Sâu keo mùa thu, sâu đục bắp gia tăng gây hại cục bộ.

3. Cây rau

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai, phấn trắng tiếp tục phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, bệnh sương mai gia tăng gây hại.

4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.



IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

1. Đề nghị

- Thu hoạch nhanh gọn diện tích lúa Xuân đã chín với phương châm "xanh nhà hơn già đồng" để tránh lũ tiểu mãn rầy nâu gây hại. Thu hoạch đến đâu cày vùi gốc rạ ngay đến đó, đồng thời sử dụng vôi bột hoặc một số chế phẩm để xử lý rơm rạ nhằm hạn chế nguồn sâu bệnh chuyển sang vụ mùa.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, theo dõi phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để chủ động có biện pháp phòng chống kịp thời (chú ý rầy, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, chuột, sâu đục thân, sâu cuốn lá... hại lúa) nhất là trà lúa trở muộn.

- Thực hiện tốt các biện pháp IPM, ICM, SRI, VietGAP; thu hoạch sản phẩm rau màu đảm bảo thời gian cách ly khi phun thuốc BVTV lần cuối theo hướng dẫn của nhà sản xuất trên bao bì.

- Triển khai Phương án sản xuất, bảo vệ thực vật vụ Mùa 2020, chủ động quản lý các đối tượng sinh vật hại ngay từ đầu vụ.

- Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

2. Biện pháp quản lý

- Đối với diện tích lúa bị bệnh đạo ôn, khi tỷ lệ bệnh từ 5% lá hại; 2,5% bông hại dùng: Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325SC, Fuji-One 40EC,... Những ruộng bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày. Giữ mực nước trên ruộng từ 3 - 5cm, ngừng bón các loại phân cho đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp.

- Đối với diện tích lúa rầy nâu, rầy lưng trắng hại; thời kỳ đòng khi mật độ trên 750 con/m² : Dùng thuốc Midan 10WP , Actara 25WG, Chess 50WG, Sutin 5EC...; thời kỳ chắc xanh khi mật độ trên 3.000 con/m²: Cần rẽ băng rộng từ 0,8 - 1 m, dùng thuốc Bassa 50EC, Nibas 50EC, Vibasa 50EC, Jetan 50EC... Nếu mật độ cao trên một vạn con/m² cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn cần phun ngay bằng các loại thuốc: Totan 200WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2SL, Starner 20WP... Những ruộng bệnh nặng trên 40% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh khô vằn, khi có 10% danh hại dùng: Tiltsuper 300EC, Validacin 5L, Lervil 50SC, Anvil 5SC, Jinggang meisu 3SL, ...

- Khi phun thuốc cần thực hiện theo nguyên tắc "4 đúng" và theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng sâu bệnh hại trên đồng ruộng.

- Tích cực thực hiện các biện pháp thủ công bắt sâu non, vọt bướm, ngắt ổ trứng, sử dụng các loại bẫy bắt chuột; bẫy dính, bẫy màu vàng, bả chua ngọt để tiêu diệt trường thành một số loại sâu hại.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 1 tháng từ ngày 16/04 - 15/05/2020, Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./. *W*

Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN & PTNT (b/c);
- Trung tâm BVTV phía Bắc;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm TTNT&PTNT;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, BVTV. *dh*

(04 *b*) *dh*

CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bá Tuệ



BẢNG THÔNG KÊ
DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐẠI DƯƠNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG
 (Kèm theo Thông báo số 05/TB-CCIT&BVTV, ngày 10/05/2002 của Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc)

Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại (%)						Diện tích nhiễm (ha)						DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố					
			ĐVT		TB		Nặng		Fông		Nhẹ		TB					Nặng		Mtr		
			%LH	%BH	Con/m ²	%DH	%DH	Con/m ²	%LH	%BH	Con/m ²	%DH	%DH	Con/m ²				%LH	%BH	Con/m ²	%DH	%DH
Lúa xuân sớm	Chắc xanh - chín - thu hoạch	Bạc lá	11,3	2,7	18,5	5	35	21,1	18,2	5,55	10	2	4	4,2	+16	12	Rải rác					
		Đạo ôn cổ bông	873,5	1,775	34,8	6	20	27	115,7	205	18	8	1	1	+0,55	1	Cục bộ					
		Rầy các loại	15,4	2,8	25,5	45,5	42,2	8	17,9	1	1	1	1	1	+0,2	63	Cục bộ					
		Khô vằn	2,8	6	20	27	115,7	205	18	8	1	1	1	1	+8	240	Rộng					
		Chuột	13,3	25,5	45,5	42,2	8	17,9	1	1	1	1	1	1	-14	4	Rải rác					
		Bạc lá	18,3	27,2	45	42,2	8	17,9	1	1	1	1	1	1	+172	110	Rải rác					
Lúa xuân muộn	Trổ - chắc xanh - chín	Sâu cuốn lá nhỏ	7,8	3,3	14,3	20	30	17,9	1	1	1	1	1	+29,2	26	Cục bộ						
		Đạo ôn cổ bông	3,5	775	1.500	17	12	5	60,8	6,8	1,1	0,1	0,3	+3,3	9,4	Cục bộ						
		Sâu ĐT cú mèo	10,7	24,3	41,5	2,265	1,545	565	155	15,4	2,2	0,3	0,3	+3,9	15,3	Cục bộ						
		Rầy	3,7	8,5	18,1	304	232	62	10	1	1	1	1	-36,5	1	Cục bộ						
		Khô vằn	2	4	0,5	0,3	0,2	20	20	10	10	10	10	-121	7	Cục bộ						
		Chuột	13,3	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	-177	2.150	Rộng						
Ngô	Chắc hạt - thu hoạch	Sâu keo mùa thu	3,7	8,5	18,1	304	232	62	10	10	10	10	10	+208	220	Rải rác						
		Bệnh sương mai	2	4	0,5	0,3	0,2	20	20	10	10	10	10	-11,4		Cục bộ						
		Bệnh phấn trắng	13,3	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	+20	20	Cục bộ						
Cây ăn quả	PTTL	Sương mai	12,5	3,7	10	10	10	10	10	10	10	10	10	+10	10	Cục bộ						
		Bộ xít nâu	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	-	5	Cục bộ						
		Nhện lưng nhung	12,5	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	-3	10	Cục bộ						
Tổng DT nhiễm SB			3.337,85						2.286,55						805,5		244,8		1		2.908,7	

Ghi chú: GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mật trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Dánh hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

Cán bộ tổng hợp: KS. Đặng Thị Lương.